

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 22/2019/DS-PT

Ngày: 04-6-2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng
giao khoán”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh

Ông Trương Hồng Căn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/4/2019 và ngày 04/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng giao khoán”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐ-PT ngày 02/4/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐPT-DS ngày 16/4/2019, thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 13/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐ-PT ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Nông trường Đ; Địa chỉ: xã B, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức Th; địa chỉ: số 8, ngõ 6A, đường Ph, phường Ph, Quận Đ, Hà Nội và ông Nguyễn Bá L- Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nông trường Đ (theo Giấy uỷ quyền ngày 07/8/2017); có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Mạnh T; sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty Cổ phần Nông trường Đ nghỉ hưu; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Tạ Thị B, sinh năm 1963; chị Trần Thị Cao L, sinh năm 1982 và anh Trần Mạnh Khoa, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, chị L và anh Kh: Ông Trần Mạnh T; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Mạnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/4/2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/1993, Nông Trường Đ, nay là Công ty Cổ phần Nông trường Đ (Gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả với hộ ông Trần Mạnh T, số: 047/HĐK, thời gian giao nhận khoán là 50 năm, diện tích là 1,93 ha, địa điểm nhận khoán tại khu chuồng Bò, đội Tr thuộc xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Theo Hợp đồng, sau 07 năm nhận đất khoán kể từ năm 1993 (Biên bản giao đất từ tháng 01/1993), ông T phải thực hiện nộp nghĩa vụ sản phẩm với Công ty theo phương án thu của Công ty hàng năm. Tuy nhiên ông T mới thực hiện xong nghĩa vụ từ năm 2000 đến năm 2008, từ năm 2009 đến nay ông T chưa nộp tiền nghĩa vụ cho Công ty, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng giao khoán và quy chế quản lý dự án.

Nông Trường Đ là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 308/NN-TCCB-QĐ, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm ngày 07/5/1993. Đến ngày 19/7/2005 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ban hành quyết định số: 1776/QĐ-BNN-TCCB về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Nông Trường Đ thành Công ty cổ phần. Tên gọi đầy đủ là Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đ, được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Ngày 22/6/2016 nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Secoin Quảng Ninh và được đổi tên là Công ty Cổ phần Nông trường Đ như hiện nay. Theo quyết định số 2240/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 29/8/2013 về việc cho Công ty thuê đất giai đoạn 1 để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản tại xã A, B, Tr, huyện Đ, thời gian giao đất 50 năm kể từ ngày 19/7/2005 (Ngày quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước). Theo hợp đồng thuê đất số: 403/HĐTĐ ngày 28/11/2013 giữa Công ty với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thì diện tích đất giao khoán cho hộ ông Trần Mạnh T, thuộc diện tích đất của Công ty thuê của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nên hộ ông T phải chịu tiền thuê đất, trên diện tích, vị trí đất theo quy định của Sở Tài chính - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Ông T có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm cho Công ty để nộp về Chi cục thuế thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty đã thông báo nhiều lần nhưng chủ hộ không thực hiện nghĩa vụ. Tổng số nợ gốc từ năm 2009, nghĩa vụ năm 2018 và lãi bổ sung từ năm 2009 đến ngày 31/7/2018 là 64.543.172đ (Sáu mươi tư triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Trong đó :

+ Tiền thuê đất là: 34.933.000 đồng
+ Nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 6.923.883 đồng
+ Tiền lãi: 22.686.290 đồng. Trong đó lãi tiền thuê đất là 21.496.740đ (Hai mươi một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) và tiền lãi 7% quản lý vùng là 1.189.550đ (Một triệu một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Nay, Công ty yêu cầu bổ sung tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất và tiền lãi nghĩa vụ 7% quản lý vùng (từ ngày 01/8/2018 đến ngày ngày 26/12/2018) là: 1.807.208đ (*Một triệu tám trăm linh bảy nghìn hai trăm linh tám đồng*).

Trong đó:

+ Tiền lãi thuê đất là: 1.551.025 đồng
+ Tiền lãi nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 256.183 đồng
+ Tổng cộng tiền lãi bổ sung là: 1.807.208đ (Một triệu tám trăm linh bảy nghìn hai trăm linh tám đồng).

Để đảm bảo lợi ích hợp pháp và chính đáng, Công ty đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều buộc chủ hộ nhận khoán trên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng với Công ty là: 66.350.381đ (Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi một đồng), tính đến ngày xét xử 26/12/2018 (có bảng kê chi tiết cụ thể các khoản kèm theo).

Tại Bản tự khai ngày 28/11/2017 và trong quá trình hòa giải, bị đơn Ông Trần Mạnh T trình bày có nội dung:

Ngày 01/01/1993, Nông trường Quốc doanh Đ có giao khoán cho gia đình ông theo dự án 327 trồng cây ăn quả (vải thiều) với diện tích 1,93 ha tại khu Chuồng Bò Triều Sơn, thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, chủ dự án là Nông Trường Quốc doanh Đ. Hợp đồng giao khoán 50 năm tự khai hoang phục hóa phủ xanh đất trống đồi trọc theo dự án di dân để trồng vải thiều. Người nhận khoán như hộ gia đình ông có nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước và 7% sản phẩm hàng năm phải được thống nhất giữa Nông trường và người nhận khoán.

Trong suốt quá trình nhận dự án gia đình ông không nhận được bất cứ một quyền lợi nào của dự án từ khoa học kỹ thuật đến tổ chức đoàn thể, người dân dự án tự làm. Đến năm 2006 Nông trường chuyển thành Công ty cổ phần giống cây trồng vật nuôi, diện tích đất theo dự án 327 Nông trường giao khoán cho các hộ nhận khoán vẫn giữ nguyên không nằm trong cổ phần của Công ty. Năm 2003 có Thông tư 112 ngày 19/11/2003 của Bộ tài chính về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2003 đến năm 2010 lần 1, theo Nghị định 129 ngày 03/11/2003 của Chính phủ quy định. Nông Trường Đ giao khoán đất nông nghiệp ổn định theo hợp đồng kinh tế sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch và được lập sổ bộ thuế đến từng hộ Nông lâm trường viên, sản xuất nông nghiệp tại điểm 2.2 mục 1 Thông tư 112 ngày 19/11/2003 của Bộ Tài chính quy định đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức. Theo văn bản của Chi cục thuế thị xã Đ trả lời thì gia đình ông nằm trong diện tích đất được miễn thuế nông nghiệp theo hợp

đồng nhận khoán đất trồng cây lâu năm của Nông trường Quốc doanh Đcũ. Vì vậy, quan điểm của hộ gia đình ông không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Nông trường Đ.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, xử: Căn cứ vào: Các Điều 92, 483, 484, 485, 488, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Luật quản lý Thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Trần Mạnh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ số tiền thuê đất là: 34.933.000đ (*Ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*) và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/12/2018) là: 23.047.765đ (*Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi năm đồng*).

Kể từ ngày 27/12/2018, ông Trần Mạnh T, bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L còn phải chịu tiền chậm nộp theo quy định (hiện nay là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuê đất chậm nộp).

1.2. Buộc ông Trần Mạnh T, bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ là: 6.923.883đ (*Sáu triệu chín trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám mươi ba đồng*) và tiền lãi do chậm nộp nghĩa vụ từ năm 2009 đến ngày 26/12/2018 là: 1.445.733đ (*Một triệu bốn trăm bốn mươi năm nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*).

Tổng số tiền phải trả là: 66.350.381 (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi một đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/01/2019, ông Trần Mạnh T kháng cáo toàn bộ bản án, không đồng ý trả tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng và số tiền lãi cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia

phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử và nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đảm bảo có căn cứ và đúng luật định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Mạnh T, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Việc thụ lý giải quyết của cấp sơ thẩm đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng phúc thẩm thấy:

** Đối với tiền thuê đất:*

Nông Trường Đ là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 308/NN-TCCB-QĐ của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm ngày 07/5/1993, với chức năng nhiệm vụ: trồng cây ăn quả, chăn nuôi... trên địa bàn các xã B, An Sinh và Trảng Lương, huyện Đ (nay là thị xã Đ); được UBND tỉnh Quảng Ninh giao đất 1.321,08 ha không thu tiền sử dụng đất theo Điều 1 Luật Đất đai năm 1987: *“Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất cho các nông trường, lâm trường hợp tác xã... gọi là người sử dụng đất - để sử dụng ổn định, lâu dài”*. Sau đó, Nông trường đã giao khoán cho các hộ nông trường viên và nhân dân trên địa bàn để trồng cây ăn quả và chăn nuôi.

Ngày 01/01/1993, ông Trần Mạnh T có đơn xin vào vùng dự án (mô hình 327) nhận đất giao khoán để trồng vải thiều, Nông Trường Đ đã ký hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả vải thiều với ông Trần Mạnh T, hợp đồng số: 047/HĐK, thời gian giao nhận khoán là 50 năm, diện tích là 1,93 ha, địa điểm nhận khoán tại khu Chuồng Bò, đội Triều Sơn, thuộc xã Tr, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh.

Theo Hợp đồng, bên nhận khoán có những quyền sau: Chủ động sản xuất trên diện tích đất nhận khoán, được hưởng thành quả lao động tạo ra, được đền bù tài sản đã đầu tư hợp pháp trên đất... Về nghĩa vụ: sau 07 năm nhận đất, hộ phải nộp thuế nông nghiệp và các loại thuế khác theo luật định, nộp nghĩa vụ quản lý dự án 7% sản lượng bình quân hàng năm theo giá bình quân của năm đó, thanh toán các

khoản dịch vụ ứng trước, trả lại đất khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi.

Từ ngày 01/4/2006, Nông Trường Đ chuyển đổi mô hình sản xuất từ Nông trường thành Công ty cổ phần Giống vật nuôi và cây trồng Đ 2006. Công ty được đăng ký kinh doanh, kế thừa ngành nghề đã đăng ký và kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp Nhà nước Nông Trường Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đất đai năm 2003: “2. *Doanh nghiệp nhà nước đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 phải chuyển sang thuê đất hoặc được giao đất có thu tiền sử dụng đất*”, do đó, Công ty phải thuê đất của UBND tỉnh Quảng Ninh, diện tích 7.905.557,8m² với thời hạn 50 năm, phải nộp tiền thuê đất (hợp đồng thuê đất số: 403/HĐTĐ ngày 28/11/2013 giữa Công ty với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh), và có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo Quyết định số 4821/QĐ-TC-QLTSC ngày 15/11/2013 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi được thuê đất, Công ty đã thông báo tới toàn thể các hộ nhận khoán đến để sửa đổi nội dung hợp đồng từ nộp thuế nông nghiệp thành nộp tiền thuê đất; sửa đổi bên giao khoán là Nông Trường Đ thành Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đ 2006, nhưng hộ ông T không đến. Vị trí, diện tích đất của hộ ông T nhận khoán theo hợp đồng số 047/HĐK là 1,93 ha gồm 01 khoảnh, thuộc đất Công ty thuê của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 22/6/2016, Công ty nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Secoin Quảng Ninh và được đổi tên là Công ty Cổ phần Nông trường Đ như hiện nay. Trường hợp này chỉ là thay đổi chủ sở hữu của tổ chức kinh tế và có việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho chủ sở hữu mới là Công ty Cổ phần Nông trường Đ nên Công ty được kế thừa quyền, nghĩa vụ theo khoản 3 Điều 74 Bộ luật Tổ tụng Dân sự. Bản thân ông T xác định phần đất 1,93ha ông đang canh tác không phải đất do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) hoặc UBND tỉnh Quảng Ninh giao đất hoặc cho thuê đất theo Luật Đất đai năm 1987, 1993 và 2003.

Theo văn bản số 2875/TNMT-TTr ngày 24/5/2019 và số 3087/TNMT-TTr ngày 31/5/2019 của Sở Tài nguyên và môi trường đã khẳng định: “*Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đ 2006 (nay là Công ty Cổ phần Nông trường Đ) chính là Nông Trường Đ đổi tên khi chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, tiến hành cổ phần hóa... Diện tích đất các hộ nhận khoán theo Đề án 327 của Nông Trường Đ trước đây nằm trong diện tích 7.905.557,8m² đất được UBND tỉnh Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Giống vật nuôi và cây trồng Đông Triều 2006 (nay là Công ty Cổ phần Nông trường Đ) thuê...*”. Do vậy, diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ thuê chính là diện tích đất được giao cho Nông trường trước đây không thu tiền sử dụng đất. Trước đó, Công ty Cổ phần Nông trường Đ đã có văn bản xin miễn nộp tiền thuê đất cho các hộ được giao khoán đất năm 1993. Nhưng theo văn bản số 7963/TB-CT ngày 16/9/2016 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh có nội dung: “*Công ty Cổ phần Nông trường Đ không thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 9 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ*” (BL 265) nên Công ty

vẫn phải nộp tiền thuê đất. Do vậy, ông T phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đất theo đơn giá do Sở tài chính quy định cho Công ty để Công ty trả cho UBND tỉnh. Bản án sơ thẩm buộc ông Trần Mạnh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất và chịu tiền lãi theo quy định của Luật Quản lý Thuế, là đúng quy định pháp luật.

** Đối với yêu cầu trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng:*

Căn cứ hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả vải thiều theo dự án 327 số: 047/HĐK với Nông Trường Đ có nội dung giao cho hộ ông T tổng diện tích 1,93 ha gồm 01 khoảnh và các quy định về nghĩa vụ trong hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng và hiện đang sử dụng ổn định.

Quá trình thực hiện, hộ ông T đã nộp sản phẩm nghĩa vụ từ năm 2000 đến năm 2008, nhưng từ năm 2009 cho đến nay ông T không thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty là vi phạm quy định về nộp nghĩa vụ quản lý vùng 7% sản lượng bình quân hàng năm tại mục 2 Điều 3 của hợp đồng số 047/HĐK.

Bản án sơ thẩm buộc ông Trần Mạnh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải thực hiện nộp tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng của từng năm và số tiền lãi tính đến ngày 26/12/2018 theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký, là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải nộp 300.000đ, án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Mạnh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ khoản 3 Điều 74, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 92, 483, 484, 485, 488, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106 Luật quản lý Thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Điều 17 Luật phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Trần Mạnh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ số tiền thuê đất là: 34.933.000đ (*Ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*) và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/12/2018) là: 23.047.765đ (*Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi năm đồng*).

Kể từ ngày 27/12/2018, ông Trần Mạnh T, bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L còn phải chịu tiền chậm nộp theo quy định (hiện nay là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuê đất chậm nộp).

1.2. Buộc ông Trần Mạnh T, bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ là: 6.923.883đ (*Sáu triệu chín trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám mươi ba đồng*) và tiền lãi do chậm nộp nghĩa vụ từ năm 2009 đến ngày 26/12/2018 là 1.445.733đ (*Một triệu bốn trăm bốn mươi năm nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*).

Tổng số tiền phải trả là: 66.350.381 (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi một đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Mạnh T, bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Kh và chị Trần Thị Cao L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 3.317.519đ (*Ba triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm mười chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Mạnh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003743 ngày 14/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đ;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 20 phút, ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh

Ông Trương Hồng Căn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự xử phúc thẩm thụ lý số: 14/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐ-PT ngày 02/4/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐPT-DS ngày 16/4/2019, thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 13/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐ-PT ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Nông trường Đ; Địa chỉ: xã B, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Th; địa chỉ: số 8, ngõ 6A, Ph, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội và ông Nguyễn Bá L- Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nông trường Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 07/8/2017); có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Trần Mạnh T; sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty Cổ phần Nông trường Đ nghỉ hưu; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Tạ Thị B, sinh năm 1963; chị Trần Thị Cao L, sinh năm 1982 và anh Trần Mạnh Khoa, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, chị L và anh Kh: Ông Trần Mạnh T; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Trần Mạnh T.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Trần Mạnh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 74, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 92, 483, 484, 485, 488, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 106 Luật quản lý thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Ông Trần Mạnh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Khvà chị Trần Thị Cao L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ số tiền thuê đất là: 34.933.000đ (*Ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*) và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/12/2018) là: 23.047.765đ (*Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi năm đồng*).

Kể từ ngày 27/12/2018, Ông Trần Mạnh T, Bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Khvà chị Trần Thị Cao L còn phải chịu tiền chậm nộp theo quy định (hiện nay là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuê đất chậm nộp).

1.2. Buộc Ông Trần Mạnh T, Bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Khvà chị Trần Thị Cao L phải trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng cho Công ty Cổ phần Nông trường Đ là: 6.923.883đ (*Sáu triệu chín trăm hai mươi ba nghìn tám trăm tám mươi ba đồng*) và tiền lãi do chậm nộp nghĩa vụ từ năm 2009 đến ngày 26/12/2018 là 1.445.733đ (*Một triệu bốn trăm bốn mươi năm nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*).

Tổng số tiền phải trả là: 66.350.381 (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi một đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Mạnh T, Bà Tạ Thị B, anh Trần Mạnh Khvà chị Trần Thị Cao L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 3.317.519đ (*Ba triệu ba trăm mười*

bảy nghìn năm trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Mạnh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003743 ngày 14/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nghị án kết thúc hồi 16 giờ 30 ngày 04 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

Biểu quyết: 3/3.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh-Trương Hồng Căn

Ngô Văn Thắng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh-Trương Hồng Căn

Ngô Văn Thắng

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đ;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu hồ sơ,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh ;
- TAND thị xã Đ;
- VKSND thị xã Đ ;
- Chi cục thị xã Đ ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng